

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 964/2019/HN-PT

Ngày: 30/10/2019

V/v “ Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Bà Quách Thanh Bình

Ông Lê Thọ Viên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05/9/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 662/2019/HNGĐ-ST ngày - 23/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4624/2019/QĐ-PT ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N T P, sinh năm 1967

Địa chỉ: D18/35 Tổ 18, ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà P T H, sinh năm 1968

Địa chỉ: 108/52C đường Trần Quang Diệu, phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người kháng cáo: Bà P T H là bị đơn.

NHẬN THẤY:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm

*. *Nguyên đơn ông N T P trình bày:*

Ông và bà P T H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/4/1993.

Vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì bà H thay đổi tính cách, cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống và suy nghĩ, đến tháng 4/2018 thì ly thân. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà P T H.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên: N T V, sinh ngày 07/12/1993 và N T G, sinh ngày 23/4/2001 (cả hai đều đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**. Bị đơn bà P T H trình bày:*

Bà xác nhận và đồng ý với lời trình bày trên của ông N T P về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Theo bà cho rằng, vợ chồng tự nguyện kết hôn có thời gian dài chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2017 bà bị gãy chân, ông P sợ bà là gánh nặng nên đến ngày 01/4/2018 ông P đã tự ý dọn ra ở riêng chứ vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì, gia đình vẫn rất ấm êm, bà không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông P tuy bản thân bà chưa nghĩ ra biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên: N T V, sinh ngày 07/12/1993 và N T G, sinh ngày 23/4/2001 (cả hai đều đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 662/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông N T P.

Về quan hệ hôn nhân: Ông N T P được ly hôn với bà P T H.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên: N T V, sinh ngày 07/12/1993 và N T G, sinh ngày 23/4/2001 (cả hai đều đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và án phí.

Ngày 05/8/ 2019, Bà P T H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 662/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bà và ông N T P có thời gian hàn gắn hạnh phúc gia đình vì ông P đã có người phụ nữ khác, bà chấp nhận tha thứ mọi lỗi lầm của ông P để ông P quay về cho con của bà có đầy đủ cha mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông N T P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà H, vì ông xác định tình cảm giữa ông và bà H không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà P T H không đồng ý ly hôn với ông P để gia đình con cái có đủ đầy cha mẹ nhưng bà H không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà H yêu cầu ông P không được ly hôn vào lúc này mà ít nhất một năm sau mới được nộp đơn ly hôn để con gái ông bà không bị sốc và ổn định tâm lý hơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa.

Về nội dung: Theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn giữa ông P và bà H đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân bà H không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà P T H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà P T H làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà P T H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông N T P và bà P T H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn về quan điểm sống vợ chồng không cùng chung quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt,

ông P muốn ly hôn riêng bà H vẫn muốn tiếp tục hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được...”, theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông P, bà H tại phiên tòa cho thấy giữa ông P và bà H không có trách nhiệm quan tâm chăm sóc nhau, không thể hiện hạnh phúc gia đình như vậy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà H là có căn cứ.

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P là đã xem xét một cách toàn diện, khách quan, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàn.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà P T H, giữ nguyên bản án sơ thẩm;
2. Về quan hệ hôn nhân: Ông N T P được ly hôn với bà P T H.
3. Về con chung: Có 02 người con chung tên: N T V, sinh ngày 07/12/1993 và N T G, sinh ngày 23/4/2001 (cả hai đều đã trưởng thành).
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông N T P phải chịu, được cản trừ theo tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005695 ngày 08/08/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà P T H phải chịu, cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0014526 ngày 05/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận M; TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

